

Bản án số: 01/2024/HNGĐ-ST

Ngày 03 - 01 - 2024

“V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Văn Phần

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Mai Khanh

Ông Trần Xuân Thành

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Trọng Chiến – Thư ký viên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Tâm - Kiểm sát viên

Ngày 03 tháng 01 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 307/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2023 về Tranh chấp Hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 339/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Kim S, sinh ngày 19/5/1988. Nơi ĐKKH trước khi xuất cảnh: Xóm Q, xã T, huyện N, tỉnh Nghệ An. Hiện đang cư trú tại: 11Ugok-ro85bron-gil, ui chang-gu, chang won-si Gyeong sang nam do, Hàn Quốc; Đề nghị vắng mặt;

- *Bị đơn:* Chị Lê Thị T, sinh ngày 08/4/1992. Nơi ĐKKH trước khi xuất cảnh: Xóm Q, xã T, huyện N, tỉnh Nghệ An. Hiện đang cư trú tại Đài Loan - Trung Quốc. Vắng mặt;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Võ Thị M (mẹ của anh Nguyễn Kim S). Địa chỉ: Xóm Q, xã T, huyện N, tỉnh Nghệ An. Đề nghị vắng mặt;

2. Bà Trần Thị H (mẹ của chị Lê Thị T). Địa chỉ: xóm B, xã H, huyện H, tỉnh Nghệ An. Đề nghị vắng mặt;

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện và lời khai ngày 11 tháng 9 năm 2023 anh Nguyễn Kim S trình bày: Anh S và chị Lê Thị T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 16 tháng 12 năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã H (nay xã

H), huyện H, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2021, anh S xuất cảnh sang Hàn Quốc lao động thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do quan điểm sống không phù hợp nhau. Mâu thuẫn căng thẳng từ cuối năm 2022, chị T xuất cảnh sang Đài Loan làm việc vợ chồng cắt đứt mọi liên lạc không quan tâm gì đến nhau kể cả vật chất lẫn tinh thần. Nay, xác định mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh S yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn chị Lê Thị T.

Về con chung: Anh S và chị Lê Thị T có hai con chung là cháu Nguyễn Đăng K, sinh ngày 19/5/2016, hiện đang do bà Võ Thị M mẹ của anh S và là bà nội của cháu quản lý, nuôi dưỡng và cháu Nguyễn Đăng k, sinh ngày 13/11/2020, hiện đang do bà Trần Thị H mẹ của chị T và là bà ngoại của cháu quản lý, nuôi dưỡng. Nếu ly hôn, anh S có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung và ủy quyền nhờ bà Võ Thị M mẹ anh S chăm sóc nuôi dưỡng các cháu cho đến khi anh S về nước; không yêu cầu chị T cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía chị Lê Thị T: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã gửi Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho chị Lê Thị T thông qua bà Trần Thị H (mẹ của chị T). Chị Lê Thị T đã biết được việc anh Nguyễn Kim S yêu cầu ly hôn, nuôi các con chung chưa thành niên, nhưng hiện chị Lê Thị T vắng mặt cũng không có ý kiến gì.

Các cháu Nguyễn Đăng K có nguyện vọng ở với bố và bà nội khi bố mẹ ly hôn.

Bà Võ Thị M trình bày: Bà M là mẹ của anh S, vợ chồng anh Nguyễn Kim S và chị Lê Thị T có hai con chung họ tên, ngày tháng năm sinh đúng như anh S đã trình bày đã trình bày. Sau khi vợ chồng anh S, chị T đi nước ngoài làm ăn có gửi cháu Nguyễn Đăng K, sinh ngày 19/5/2016 cho bà M chăm sóc, nuôi dưỡng. Còn cháu K1, năm 2022 chị T đi nước ngoài nhờ bà H (mẹ chị T) nuôi dưỡng, chăm sóc. Nay vợ chồng ly hôn, đề nghị Tòa án giao cả hai cháu cho anh S nuôi dưỡng, bà M cam kết sẽ quản lý, chăm sóc các cháu chu đáo trong thời gian anh S đang ở nước ngoài. Về công sức chăm sóc, quản lý cháu từ trước đến nay bà M không yêu cầu vợ chồng chị T, anh S phải thanh toán.

Bà Trần Thị H (mẹ của chị Lê Thị T) trình bày: Vợ chồng anh S, chị T có hai con chung cháu Nguyễn Đăng K, sinh ngày 19/5/2016, hiện đang do bà Võ Thị M mẹ của anh S và là bà nội của cháu quản lý, nuôi dưỡng. Còn cháu Nguyễn Đăng K2, sinh ngày 13/11/2020, hiện đang do bà H là bà ngoại của cháu quản lý, nuôi dưỡng. Nếu vợ chồng ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết về con chung theo pháp luật. Trường hợp chị T được giao nuôi con chung, bà H cam kết tiếp tục quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu trong thời gian chị T đang ở nước ngoài. Về công sức chăm sóc, quản lý cháu K2 từ trước đến nay, bà H không yêu cầu vợ chồng anh S, chị T phải thanh toán các khoản chi phí.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu quan điểm: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Việc thu thập chứng cứ và đương sự tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định, đảm bảo quyền, nghĩa vụ của họ.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Kim S cho ly hôn giữa anh S và chị T; giao hai con chưa thành niên cho anh S nuôi dưỡng; tài sản chung chưa giải quyết. Về công quản lý, chăm sóc các con chung của vợ chồng, bà M và bà H không yêu cầu nên không xem xét.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Lê Thị T hiện đang cư trú ở nước ngoài, trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, theo bà Trần Thị H (mẹ của chị Lê Thị T) cung cấp: Chị Lê Thị T hiện đang cư trú tại Đài Loan (Trung Quốc), mặc dù không biết nơi cư trú cụ thể, nhưng chị T thường xuyên liên lạc với bà H và người thân trong gia đình. Chị T đã biết được anh S yêu cầu ly hôn, nuôi các con chưa thành niên nhưng chị T không có ý kiến gì. Do đó, việc chị Lê Thị T vắng mặt thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ; từ chối khai báo.

Anh Nguyễn Kim S hiện đang ở nước ngoài, sau khi về nước gửi đơn khởi kiện và trình bày quan điểm, nhưng vì điều kiện không thể trực tiếp tham gia hòa giải, giải quyết vụ án được và đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

Đối với bà Võ Thị M và bà Trần Thị H đã có ý kiến của mình về các nội dung liên quan và đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1, khoản 4 Điều 207, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành giải quyết, xét xử vụ án theo thủ tục chung đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tại phiên tòa, mặc dù vắng mặt nhưng anh Nguyễn Kim S vẫn giữ nguyên nội dung khởi kiện yêu cầu ly hôn chị Lê Thị T và nguyện vọng được nuôi cả hai con chung chưa thành niên. Xét thấy, anh Nguyễn Kim S và chị Lê Thị T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2021, anh S xuất cảnh sang Hàn Quốc lao động thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do quan điểm sống không phù hợp nhau. Mâu thuẫn căng thẳng từ cuối năm 2022, chị T xuất cảnh sang Đài Loan làm việc vợ chồng cắt đứt mọi liên lạc không quan tâm gì đến nhau kể cả vật chất lẫn tinh thần. Nay anh S xác định, tình cảm vợ chồng không còn; mục đích hôn nhân không đạt được nên cần căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cho hai người ly hôn để giải phóng cho nhau.

[2.2] Về con chung: Anh Nguyễn Kim S và chị Lê Thị T có hai con chung cháu Nguyễn Đăng K, sinh ngày 19/5/2016, hiện đang do bà Võ Thị M mẹ của anh S và là bà nội của cháu quản lý, nuôi dưỡng và cháu Nguyễn Đăng

**K2**, sinh ngày 13/11/2020, hiện đang do bà **Trần Thị H** mẹ của chị **T** và là bà ngoại của cháu quản lý, nuôi dưỡng.

Theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, việc nuôi con chung chưa thành niên là quyền cũng là nghĩa vụ của vợ chồng sau khi ly hôn. Anh **S** và chị **T** hiện đang cư trú ở nước ngoài chưa có điều kiện để trực tiếp chăm sóc các con chung. Trong quá trình giải quyết vụ án cả bà **Võ Thị M** (mẹ của anh **S**) và bà **Trần Thị H** (mẹ của chị **T**) đều có nguyện vọng giao các cháu con chung cho anh **S**, chị **T** nuôi dưỡng và cam kết nhận trách nhiệm quản lý nuôi dưỡng các cháu chu đáo cho đến khi anh **S**, chị **T** về nước. Tuy nhiên, chị **Lê Thị T** hiện đang ở nước ngoài chưa có nơi cư trú ổn định và cũng chưa có ý kiến gì, do đó cần giao hai con chung cho anh **Nguyễn Kim S** nuôi dưỡng và chấp nhận sự tự nguyện của bà **Võ Thị M** nhận trách nhiệm tiếp tục quản lý, nuôi dưỡng các cháu trong thời gian anh **S**, chị **T** chưa về nước.

Về cấp dưỡng: Hiện anh **S** không yêu cầu và chị **T** cũng chưa có ý kiến nên Tòa chưa xem xét.

Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho các con chưa thành niên anh **S**, chị **T** có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và cấp dưỡng khi có yêu cầu. Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[2.3] Tài sản chung: Hiện tại anh **Nguyễn Kim S** chưa yêu cầu giải quyết và chị **Lê Thị T** chưa có ý kiến gì nên Tòa án chưa có cơ sở để xem xét. Dành quyền khởi kiện cho các đương sự khi có yêu cầu.

[3] Về việc quản lý, chăm sóc các con chung: Bà **Võ Thị M** là người trực tiếp quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu **Nguyễn Đăng K**; bà **Trần Thị H** là người chăm sóc cháu **Nguyễn Đăng K2** trong thời gian từ khi anh **S**, chị **T** ở nước ngoài đến nay. Tuy nhiên, bà **M** và bà **H** không yêu cầu vợ chồng chị **T**, anh **S** thanh toán các khoản chi phí chăm sóc cháu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Bà **Võ Thị M** tự nguyện cam kết chăm sóc quản lý, nuôi dưỡng hai cháu trong thời gian chị **T**, anh **S** chưa về nước, nên cần chấp nhận.

[4] Về án phí: Anh **S** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 2 Điều 207, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 53, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh **Nguyễn Kim S** và chị **Lê Thị T**.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao hai con chung cháu **Nguyễn Đăng K**, sinh ngày 19/5/2016 và cháu **Nguyễn Đăng K2**, sinh ngày 13/11/2020 cho anh **Nguyễn Kim S** nuôi dưỡng.

Chấp nhận sự tự nguyện của bà **Võ Thị M** và bà **Trần Thị H** nhận trách nhiệm quản lý, chăm sóc các cháu **Nguyễn Đăng K** và **Nguyễn Đăng K2** trong thời gian anh **Nguyễn Kim S** và chị **Lê Thị T** chưa về nước.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho các con chưa thành niên anh **Nguyễn Kim S** và chị **Lê Thị T** có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và cấp dưỡng khi có yêu cầu. Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Tài sản chung: Dành quyền khởi kiện cho các đương sự khi có yêu cầu.

4. Về án phí: Anh **Nguyễn Kim S** phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An theo biên lai số 0004480 ngày 17/10/2023 (ông **Võ Văn B** nộp thay).

5. Về quyền kháng cáo:

5.1. Anh **Nguyễn Kim S** và chị **Lê Thị T** đang ở nước ngoài vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được hoặc bản sao bản án sơ thẩm được niêm yết hợp lệ.

5.2. Bà **Võ Thị M** và bà **Trần Thị H** vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc được tổng đạt hợp lệ bản sao bản án sơ thẩm.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Hưng Nghĩa, huyện Hưng Nguyên, NA;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Văn Phần**